

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2021

Căn cứ kết quả Kỳ thi học sinh giỏi năm học 2020 – 2021, Sở Giáo dục và Đào tạo
Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận:

Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong có 326 học sinh đạt giải Kỳ thi học sinh giỏi năm
học 2020 – 2021 (*Danh sách đính kèm*).

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG GDTrH *ks*

[Signature]
Lê Duy Tân

STT	Môn thi	Họ	Tên	Nữ	Nơi sinh	Ngày	tháng	Năm	Giải
1	Địa lý	NGUYỄN XUÂN	DIỆP	NỮ	TP.HCM	1	10	2003	NHẤT
2	Địa lý	NGUYỄN HUỖNH BẢO	QUẢN	NAM	TP.HCM	15	12	2003	NHẤT
3	Hóa học	NGUYỄN TRÍ	DỪNG	NAM	TP.HCM	12	10	2003	NHẤT
4	Hóa học chuyên	HUỖNH HẢI	DƯƠNG	NAM	TP.HCM	11	10	2003	NHẤT
5	Hóa học chuyên	TRẦN NGUYỄN GIA	HÂN	NỮ	TP.HCM	6	6	2003	NHẤT
6	Hóa học chuyên	ĐẶNG MINH	HUY	NAM	TP.HCM	24	1	2003	NHẤT
7	Hóa học chuyên	NGUYỄN VŨ	KHANG	NAM	TP.HCM	3	6	2003	NHẤT
8	Hóa học chuyên	LÊ THỊ KIM	KHÁNH	NỮ	TP.HCM	12	12	2003	NHẤT
9	Hóa học chuyên	NGUYỄN KIỀU BẢO	KHÁNH	NAM	TP.HCM	17	1	2003	NHẤT
10	Hóa học chuyên	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	LINH	NỮ	TP.HCM	15	12	2003	NHẤT
11	Hóa học chuyên	VÕ VĂN	LUẬN	NAM	TP.HCM	29	11	2003	NHẤT
12	Hóa học chuyên	TRẦN TUẤN	MINH	NAM	TP.HCM	24	8	2003	NHẤT
13	Hóa học chuyên	LÊ BẢO PHÚC	NHÂN	NAM	TP.HCM	18	6	2003	NHẤT
14	Hóa học chuyên	ĐÀO THANH	TÂN	NAM	TP.HCM	10	8	2003	NHẤT
15	Hóa học chuyên	ĐÀO VĂN	THẮNG	NAM	TP.HCM	4	4	2003	NHẤT
16	Hóa học chuyên	NGUYỄN KHƯƠNG	THỊNH	NAM	TP.HCM	28	5	2003	NHẤT
17	Hóa học chuyên	VĂN CẬP	TIẾN	NAM	TP.HCM	13	12	2003	NHẤT
18	Hóa học chuyên	PHẠM THÙY	TRANG	NỮ	TP.HCM	26	2	2003	NHẤT
19	Hóa học chuyên	PHẠM NHẬT MINH	TÚ	NAM	TP.HCM	30	6	2003	NHẤT
20	Ngữ văn	TRẦN VÕ VĂN	ANH	NỮ	TP.HCM	22	12	2003	NHẤT
21	Ngữ văn chuyên	NGUYỄN NGỌC ĐỒNG	NGHI	NỮ	TP.HCM	11	10	2003	NHẤT
22	Ngữ văn chuyên	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	NHƯ	NỮ	TP.HCM	30	3	2003	NHẤT
23	Ngữ văn chuyên	HOÀNG ANH	THU	NỮ	TP.HCM	12	4	2003	NHẤT
24	Ngữ văn chuyên	HOÀNG UYÊN BẢO	TRẦN	NỮ	TP.HCM	7	11	2003	NHẤT
25	Ngữ văn chuyên	VÕ NGUYỄN NGỌC	HÂN	NỮ	TP.HCM	12	6	2003	NHẤT
26	Ngữ văn chuyên	TRẦN MINH	KHOA	NAM	TP.HCM	25	12	2003	NHẤT
27	Ngữ văn chuyên	HUỖNH NGỌC MINH	KHUÊ	NỮ	TP.HCM	1	1	2003	NHẤT
28	Sinh học	TRẦN LÊ BẠCH	CÚC	NỮ	TP.HCM	6	6	2003	NHẤT
29	Sinh học	HOÀNG NGUYỄN AN	NHƯ	NỮ	TP.HCM	31	8	2003	NHẤT
30	Sinh học	PHAN QUANG	SANG	NAM	TP.HCM	26	9	2003	NHẤT
31	Sinh học	TẠ THỊ THANH	TUYÊN	NỮ	TP.HCM	10	12	2003	NHẤT
32	Sinh học chuyên	TRẦN THỊ KIM	XOÀN	NỮ	An Giang	15	11	2003	NHẤT
33	Sinh học chuyên	DƯƠNG LỤC ANH	XUÂN	NỮ	TP.HCM	25	12	2003	NHẤT
34	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN NGỌC	AN	NAM	TP.HCM	14	5	2003	NHẤT
35	Tiếng Anh chuyên	LÊ MINH	ANH	NỮ	TP.HCM	7	1	2003	NHẤT
36	Tiếng Anh chuyên	PHẠM NGUYỄN LAN	ANH	NỮ	TP.HCM	5	1	2003	NHẤT
37	Tiếng Anh chuyên	TRẦN BẢO	ANH	NỮ	Đắk Lắk	10	2	2003	NHẤT
38	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN HOÀNG GIA	BẢO	NAM	TP.HCM	21	7	2003	NHẤT
39	Tiếng Anh chuyên	VŨ HỒNG	ĐỨC	NAM	Hải Phòng	23	4	2003	NHẤT
40	Tiếng Anh chuyên	TRẦN PHÚC	HẢI	NAM	Đà Nẵng	17	2	2002	NHẤT
41	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN LÊ MINH	HIẾN	NỮ	TP.HCM	12	2	2003	NHẤT
42	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN DOãn MINH	HOÀNG	NAM	TP.HCM	17	7	2003	NHẤT
43	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN CHỈ GIA	HƯNG	NAM	TP.HCM	4	4	2003	NHẤT
44	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	NỮ	TP.HCM	23	4	2003	NHẤT
45	Tiếng Anh chuyên	PARK SOO	JUNG	NỮ	TP.HCM	16	12	2002	NHẤT
46	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN ĐÌNH SONG	KHANG	NAM	TP.HCM	5	2	2003	NHẤT
47	Tiếng Anh chuyên	LÊ MINH	KHÔI	NAM	TP.HCM	2	11	2003	NHẤT
48	Tiếng Anh chuyên	TRẦN MINH	KHÔI	NAM	TP.HCM	16	11	2003	NHẤT
49	Tiếng Anh chuyên	BÙI NGỌC	LINH	NAM	TP.HCM	28	11	2003	NHẤT
50	Tiếng Anh chuyên	LÂM HOÀNG	LONG	NAM	TP.HCM	30	1	2003	NHẤT
51	Tiếng Anh chuyên	LÊ NHẬT	MINH	NAM	TP.HCM	10	3	2003	NHẤT
52	Tiếng Anh chuyên	VŨ NGUYỄN BẢO	NGỌC	NỮ	TP.HCM	23	3	2003	NHẤT
53	Tiếng Anh chuyên	HOÀNG VIỆT	NHÂN	NAM	TP.HCM	2	9	2003	NHẤT
54	Tiếng Anh chuyên	TÔN NỮ CẨM	NHIÊN	NỮ	TP.HCM	6	5	2003	NHẤT
55	Tiếng Anh chuyên	ĐOÀN TRẦN THIÊN	PHÚC	NAM	TP.HCM	30	7	2003	NHẤT
56	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	NAM	TP.HCM	21	10	2003	NHẤT
57	Tiếng Anh chuyên	LÊ NGỌC NAM	THI	NỮ	TP.HCM	27	6	2003	NHẤT

STT	Môn thi	Họ	Tên	Nữ	Nơi sinh	Ngày	tháng	Năm	Giải
58	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN MINH	TRIẾT	NAM	TP.HCM	26	6	2003	NHẤT
59	Tiếng Anh chuyên	ĐẶNG PHƯƠNG	UYẾN	NỮ	Đà Nẵng	6	1	2003	NHẤT
60	Tiếng Nhật chuyên	TỪ BỬU	KHANG	NAM	TP.HCM	14	7	2003	NHẤT
61	Tiếng Nhật chuyên	ĐOÀN MINH	UYẾN	NỮ	TP.HCM	27	9	2002	NHẤT
62	Tiếng Pháp	NGUYỄN THẾ HỒNG	ẤN	NAM	TP.HCM	24	12	2003	NHẤT
63	Tiếng Pháp	NGUYỄN DUY	DANH	NAM	TP.HCM	9	11	2003	NHẤT
64	Tiếng Pháp	NGUYỄN MINH	ĐẠT	NAM	TP.HCM	2	9	2003	NHẤT
65	Tiếng Pháp	ĐÌNH LÊ MINH	QUÂN	NAM	TP.HCM	10	10	2003	NHẤT
66	Tiếng Pháp	PHẠM DUY	TÙNG	NAM	TP.HCM	2	1	2003	NHẤT
67	Tiếng Trung chuyên	SU THẾ	ĐẠT	NAM	TP.HCM	6	6	2003	NHẤT
68	Tiếng Trung chuyên	HUỲNH TUYẾT	NGHI	NỮ	TP.HCM	13	1	2003	NHẤT
69	Tin học chuyên	LÊ VŨ NGÂN	TRÚC	NỮ	TP.HCM	21	4	2003	NHẤT
70	Tin học chuyên	VÕ ĐỒNG	VĂN	NAM	TP.HCM	18	3	2003	NHẤT
71	Toán	NGUYỄN QUỐC	ĐẠI	NAM	Tiền Giang	13	2	2003	NHẤT
72	Toán	TẠ GIA	KHANG	NAM	TP.HCM	19	2	2003	NHẤT
73	Toán chuyên	NGUYỄN NGỌC HỮU	ẤN	NAM	TP.HCM	2	1	2003	NHẤT
74	Toán chuyên	NGUYỄN ĐỨC BẢO	HUY	NAM	TP.HCM	1	3	2003	NHẤT
75	Toán chuyên	NGUYỄN THANH	KHÔI	NAM	TP.HCM	27	1	2003	NHẤT
76	Toán chuyên	NGUYỄN ĐÌNH	QUANG	NAM	TP.HCM	24	8	2003	NHẤT
77	Toán chuyên	NGUYỄN LỘC	THANH	NAM	TP.HCM	12	8	2003	NHẤT
78	Toán chuyên	LÊ CHÍ	THIỆN	NAM	TP.HCM	27	5	2003	NHẤT
79	Toán chuyên	NGUYỄN HỮU	THỌ	NAM	Thanh Hoá	10	3	2003	NHẤT
80	Toán chuyên	DIỆP MINH	CHÍ	NAM	TP.HCM	17	9	2003	NHẤT
81	Toán chuyên	LƯƠNG TRẦN CÔNG	DANH	NAM	TP.HCM	24	1	2003	NHẤT
82	Toán chuyên	HOÀNG TIẾN	ĐỨC	NAM	Đắk Lắk	4	10	2003	NHẤT
83	Toán chuyên	NGUYỄN TRỊNH	DUY	NAM	TP.HCM	19	5	2003	NHẤT
84	Toán chuyên	TRẦN NHẬT	DUY	NAM	TP.HCM	24	2	2003	NHẤT
85	Vật lý	LÂM GIA	KHÁNH	NAM	TP.HCM	15	12	2003	NHẤT
86	Vật lý	TRẦN NGUYỄN ANH	PHƯỚC	NAM	TP.HCM	27	8	2003	NHẤT
87	Vật lý chuyên	ĐẶNG THANH	BÌNH	NỮ	TP.HCM	5	2	2003	NHẤT
88	Vật lý chuyên	LÊ TUẤN	MINH	NAM	TP.HCM	18	1	2003	NHẤT
89	Vật lý chuyên	TRẦN ANH	QUÂN	NAM	TP.HCM	22	2	2003	NHẤT
90	Địa lý	BÙI THỊ HOÀI	ANH	NỮ	TP.HCM	16	8	2003	NHÌ
91	Địa lý	TÔ QUỐC	KIỆN	NAM	TP.HCM	11	8	2003	NHÌ
92	Địa lý	LÊ THỊ DIỆU	OANH	NỮ	TP.HCM	2	8	2003	NHÌ
93	Hóa học	LÊ ĐỨC	CƯỜNG	NAM	TP.HCM	29	4	2003	NHÌ
94	Hóa học	MAI QUANG	ĐÌNH	NAM	TP.HCM	9	7	2003	NHÌ
95	Hóa học	LÊ NGỌC	HIẾU	NAM	TP.HCM	30	9	2003	NHÌ
96	Hóa học	NGÔ DUY	KHANG	NAM	TP.HCM	21	10	2003	NHÌ
97	Hóa học	NGUYỄN KHÁNH	LINH	NỮ	TP.HCM	2	4	2003	NHÌ
98	Hóa học	VƯƠNG QUỐC	PHONG	NAM	TP.HCM	23	1	2003	NHÌ
99	Hóa học chuyên	NGUYỄN HỒ QUỲNH	ANH	NỮ	TP.HCM	15	3	2003	NHÌ
100	Hóa học chuyên	ĐẬU NGUYỄN	CƯỜNG	NAM	TP.HCM	5	5	2003	NHÌ
101	Hóa học chuyên	TRẦN NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	NAM	TP.HCM	7	5	2003	NHÌ
102	Hóa học chuyên	VƯƠNG KIẾN	ĐỨC	NAM	TP.HCM	9	3	2003	NHÌ
103	Hóa học chuyên	NGUYỄN NGỌC NGÂN	KHÁNH	NỮ	TP.HCM	14	11	2003	NHÌ
104	Hóa học chuyên	LÊ MINH	KHÔI	NAM	TP.HCM	15	9	2003	NHÌ
105	Hóa học chuyên	TRẦN THANH	LAN	NỮ	TP.HCM	13	8	2003	NHÌ
106	Hóa học chuyên	PHAN LÂM VĨNH	LỘC	NAM	TP.HCM	26	2	2003	NHÌ
107	Hóa học chuyên	LÊ HOÀNG	MINH	NAM	TP.HCM	15	10	2003	NHÌ
108	Hóa học chuyên	NGUYỄN THẢO	NGỌC	NỮ	TP.HCM	20	4	2003	NHÌ
109	Hóa học chuyên	NGUYỄN LÊ VĨNH	NGUYỄN	NAM	TP.HCM	1	9	2003	NHÌ
110	Hóa học chuyên	NGUYỄN VŨ THẢO	NGUYỄN	NỮ	TP.HCM	1	3	2003	NHÌ
111	Hóa học chuyên	BÙI XUÂN	THẮNG	NAM	TP.HCM	24	5	2003	NHÌ
112	Hóa học chuyên	NGUYỄN VŨ AN	THANH	NỮ	TP.HCM	20	8	2003	NHÌ
113	Hóa học chuyên	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	NỮ	TP.HCM	16	10	2003	NHÌ
114	Hóa học chuyên	LÝ MỸ	UYẾN	NỮ	TP.HCM	2	5	2003	NHÌ

STT	Môn thi	Họ	Tên	Nữ	Nơi sinh	Ngày	tháng	Năm	Giải
115	Hóa học chuyên	NGUYỄN NHỎ CHÂU	UYẾN	NỮ	TP.HCM	14	6	2003	NHÌ
116	Hóa học chuyên	VÕ NGUYỄN CHÍ HÙNG	VINH	NAM	Phú Yên	3	2	2003	NHÌ
117	Hóa học chuyên	NGUYỄN TRẦN THUỶ	VY	NỮ	TP.HCM	6	11	2003	NHÌ
118	Ngữ văn	TRẦN DIỄM	TRANG	NỮ	TP.HCM	26	2	2003	NHÌ
119	Ngữ văn	CAO HOÀI YẾN	VY	NỮ	TP.HCM	14	4	2003	NHÌ
120	Ngữ văn chuyên	ĐỖ NGỌC TRÂM	ANH	NỮ	TP.HCM	9	7	2003	NHÌ
121	Ngữ văn chuyên	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	NGHI	NỮ	Khánh Hòa	30	7	2003	NHÌ
122	Ngữ văn chuyên	PHẠM NGUYỄN GIA	QUYÊN	NỮ	TP.HCM	10	7	2003	NHÌ
123	Ngữ văn chuyên	PHAN NGỌC MINH	THU'	NỮ	TP.HCM	12	4	2003	NHÌ
124	Ngữ văn chuyên	NGÔ HUỖNH THANH	TRANG	NỮ	TP.HCM	16	10	2003	NHÌ
125	Ngữ văn chuyên	LÊ HỒ VI	DIỆU	NỮ	TP.HCM	1	12	2003	NHÌ
126	Ngữ văn chuyên	PHẠM THỊ THIÊN	DUYỀN	NỮ	TP.HCM	30	10	2003	NHÌ
127	Ngữ văn chuyên	TÔ ĐĂNG BẢO	HÂN	NỮ	TP.HCM	23	12	2003	NHÌ
128	Ngữ văn chuyên	LÊ NGỌC MINH	HẠNH	NỮ	TP.HCM	7	12	2003	NHÌ
129	Ngữ văn chuyên	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG	KHOA	NAM	TP.HCM	13	9	2003	NHÌ
130	Ngữ văn chuyên	HỒ NGỌC	MAI	NỮ	TP.HCM	15	5	2003	NHÌ
131	Sinh học	NGUYỄN HOÀNG	HƯ'NG	NAM	TP.HCM	29	6	2003	NHÌ
132	Sinh học	HOÀNG NGUYỄN MỸ	LINH	NỮ	TP.HCM	8	8	2003	NHÌ
133	Sinh học	QUÁCH QUỲNH BẢO	NGỌC	NỮ	TP.HCM	12	11	2003	NHÌ
134	Sinh học chuyên	NGUYỄN MINH	CHÁU	NỮ	TP.HCM	19	9	2003	NHÌ
135	Sinh học chuyên	LÊ NGUYỄN LAN	CHI	NỮ	TP.HCM	10	7	2003	NHÌ
136	Sinh học chuyên	PHAN THỊ NGỌC	TRÂM	NỮ	TP.HCM	13	3	2003	NHÌ
137	Tiếng Anh	LÊ PHƯƠNG	ANH	NỮ	TP.HCM	1	12	2003	NHÌ
138	Tiếng Anh	NGUYỄN NGỌC UYẾN	CHI	NỮ	TP.HCM	31	10	2003	NHÌ
139	Tiếng Anh	LÊ NGUYỄN THỦY	DƯƠNG	NỮ	Thừa Thiên - Huế	9	5	2003	NHÌ
140	Tiếng Anh	ĐÀO NHẬT	DUY	NAM	TP.HCM	27	9	2003	NHÌ
141	Tiếng Anh	MAI NGUYỄN NGỌC	HÂN	NỮ	TP.HCM	26	11	2003	NHÌ
142	Tiếng Anh	NGUYỄN THY	PHƯƠNG	NỮ	TP.HCM	20	7	2003	NHÌ
143	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN NGỌC QUẾ	ANH	NỮ	TP.HCM	20	1	2003	NHÌ
144	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	ANH	NỮ	TP.HCM	14	3	2003	NHÌ
145	Tiếng Anh chuyên	TRẦN TUẤN	ANH	NAM	TP.HCM	11	5	2003	NHÌ
146	Tiếng Anh chuyên	PHAN GIA	BẢO	NAM	TP.HCM	8	5	2003	NHÌ
147	Tiếng Anh chuyên	VŨ HẢI	ĐĂNG	NAM	Bà Rịa - Vũng Tàu	1	7	2003	NHÌ
148	Tiếng Anh chuyên	BUI THANH	DUNG	NỮ	TP.HCM	22	11	2003	NHÌ
149	Tiếng Anh chuyên	LÊ QUANG	HUY	NAM	TP.HCM	15	10	2003	NHÌ
150	Tiếng Anh chuyên	LƯƠNG ĐỨC	HUY	NAM	TP.HCM	14	12	2003	NHÌ
151	Tiếng Anh chuyên	HỒ DUY	KHANG	NAM	Sóc Trăng	6	8	2003	NHÌ
152	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN NGỌC	MINH	NAM	Kiên Giang	18	3	2003	NHÌ
153	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN MỸ CHIỂU	NGHI	NỮ	TP.HCM	21	1	2003	NHÌ
154	Tiếng Anh chuyên	VĂN PHƯỚC BẢO	NGỌC	NỮ	TP.HCM	2	10	2003	NHÌ
155	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN THỊ MINH	NHẬT	NỮ	Đà Nẵng	8	12	2003	NHÌ
156	Tiếng Anh chuyên	VŨ NGỎ ĐAN	NHI	NỮ	TP.HCM	15	9	2002	NHÌ
157	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	NAM	TP.HCM	13	3	2003	NHÌ
158	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN ĐÀO LIÊN	PHƯƠNG	NỮ	TP.HCM	19	2	2003	NHÌ
159	Tiếng Anh chuyên	ĐỖ NGUYỄN NGÂN	QUỲNH	NỮ	TP.HCM	15	12	2003	NHÌ
160	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	QUỲNH	NỮ	TP.HCM	8	12	2003	NHÌ
161	Tiếng Anh chuyên	PHAN PHƯƠNG	THI	NỮ	TP.HCM	14	2	2003	NHÌ
162	Tiếng Anh chuyên	ĐỖ NGỌC MINH	THU'	NỮ	TP.HCM	22	3	2003	NHÌ
163	Tiếng Anh chuyên	LÊ HOÀNG	TIẾN	NAM	TP.HCM	30	9	2003	NHÌ
164	Tiếng Anh chuyên	TRƯƠNG NGỌC LÊ	TRẦN	NỮ	TP.HCM	22	3	2003	NHÌ
165	Tiếng Anh chuyên	TRẦN PHƯƠNG	VY	NỮ	Liên Bang Nga	19	8	2003	NHÌ
166	Tiếng Nhật chuyên	TRINH UYÊN	CHI	NỮ	TP.HCM	1	4	2003	NHÌ
167	Tiếng Nhật chuyên	NGUYỄN HOÀNG	NAM	NAM	TP.HCM	10	7	2003	NHÌ
168	Tiếng Nhật chuyên	VŨ KHÁNH	NHU'	NỮ	TP.HCM	7	5	2003	NHÌ
169	Tiếng Nhật chuyên	LÊ NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	NỮ	TP.HCM	12	10	2002	NHÌ
170	Tiếng Nhật chuyên	LÊ THỊ MINH	THẢO	NỮ	TP.HCM	21	5	2003	NHÌ
171	Tiếng Nhật chuyên	HUỖNH NGUYỄN CHÁNH	TÍN	NAM	TP.HCM	19	3	2003	NHÌ

STT	Môn thi	Họ	Tên	Nữ	Nơi sinh	Ngày	tháng	Năm	Giải
172	Tiếng Pháp	HỒ NGỌC VÂN	KHANH	NỮ	TP.HCM	20	8	2003	NHÌ
173	Tiếng Pháp	DƯƠNG TÂN	NGUYỄN	NAM	TP.HCM	2	2	2003	NHÌ
174	Tiếng Pháp	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	NHI	NỮ	TP.HCM	11	12	2003	NHÌ
175	Tiếng Pháp	NGUYỄN THÚY MỸ	TRANG	NỮ	TP.HCM	28	4	2003	NHÌ
176	Tiếng Pháp	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRINH	NỮ	TP.HCM	24	9	2003	NHÌ
177	Tiếng Pháp	VĂN NHƯ	TUYỀN	NỮ	TP.HCM	20	5	2003	NHÌ
178	Tiếng Pháp	CAO MINH	VỸ	NAM	TP.HCM	25	9	2003	NHÌ
179	Tiếng Trung chuyên	ÔN TUẤN	HÀO	NAM	TP.HCM	7	3	2003	NHÌ
180	Tiếng Trung chuyên	TRƯƠNG MINH	KIỆN	NAM	TP.HCM	14	5	2003	NHÌ
181	Tin học chuyên	VƯƠNG QUỐC	ẤN	NAM	TP.HCM	23	8	2003	NHÌ
182	Tin học chuyên	NGUYỄN KHÔI	NGUYỄN	NAM	TP.HCM	15	8	2003	NHÌ
183	Tin học chuyên	LÊ TRẦN MINH	TRUNG	NAM	TP.HCM	27	3	2003	NHÌ
184	Tin học chuyên	TRẦN VIỆT	TRUNG	NAM	Trung Quốc	8	10	2003	NHÌ
185	Toán	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	NAM	TP.HCM	1	9	2003	NHÌ
186	Toán chuyên	HÀ QUỲNH	ANH	NỮ	TP.HCM	7	12	2003	NHÌ
187	Toán chuyên	TRẦN NGUYỄN NAM	ANH	NỮ	TP.HCM	28	9	2003	NHÌ
188	Toán chuyên	TRẦN TUẤN	ANH	NAM	TP.HCM	12	8	2003	NHÌ
189	Toán chuyên	LÊ PHỤC	HƯNG	NAM	Thừa Thiên - Huế	6	5	2003	NHÌ
190	Toán chuyên	NGUYỄN BẢO	KHANG	NAM	TP.HCM	7	6	2003	NHÌ
191	Toán chuyên	NGUYỄN VŨ	KHÁNH	NAM	TP.HCM	11	4	2003	NHÌ
192	Toán chuyên	TRẦN LÊ QUỐC	KHÁNH	NAM	Đắk Lắk	11	4	2003	NHÌ
193	Toán chuyên	NGUYỄN LÂM ĐĂNG	KHOA	NAM	TP.HCM	8	10	2003	NHÌ
194	Toán chuyên	LÊ THANH MAI	LINH	NỮ	TP.HCM	2	6	2003	NHÌ
195	Toán chuyên	PHAN THÙY	LINH	NỮ	TP.HCM	22	12	2003	NHÌ
196	Toán chuyên	NGUYỄN THUY	NGỌC	NỮ	TP.HCM	3	8	2003	NHÌ
197	Toán chuyên	HUỲNH LÊ AN	PHÚ	NAM	TP.HCM	22	10	2003	NHÌ
198	Toán chuyên	NGUYỄN CAO THIÊN	PHÚC	NAM	TP.HCM	15	11	2003	NHÌ
199	Toán chuyên	TRẦN LÊ MINH	QUẢN	NAM	TP.HCM	25	4	2003	NHÌ
200	Toán chuyên	KIỀU TIẾN	THÀNH	NAM	TP.HCM	20	7	2003	NHÌ
201	Toán chuyên	LÂM VÂN	THIÊN	NỮ	TP.HCM	15	2	2003	NHÌ
202	Toán chuyên	PHẠM THÙY	TRANG	NỮ	TP.HCM	23	11	2003	NHÌ
203	Toán chuyên	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	NAM	Hà Nội	10	8	2003	NHÌ
204	Toán chuyên	ĐẶNG HOÀNG	GIA	NAM	Quảng Bình	11	3	2003	NHÌ
205	Vật lý	PHẠM MINH	TRIẾT	NAM	TP.HCM	22	3	2003	NHÌ
206	Vật lý chuyên	LÊ ĐÌNH	BÌNH	NAM	TP.HCM	25	8	2003	NHÌ
207	Vật lý chuyên	PHẠM GIA	HUY	NAM	TP.HCM	18	3	2003	NHÌ
208	Vật lý chuyên	PHAN LÊ QUỐC	HUY	NAM	TP.HCM	3	11	2003	NHÌ
209	Vật lý chuyên	TRẦN GIA	LINH	NỮ	TP.HCM	25	7	2003	NHÌ
210	Vật lý chuyên	TRẦN MINH	PHÚC	NAM	TP.HCM	3	10	2003	NHÌ
211	Vật lý chuyên	KHỨC HẢI	QUỲNH	NỮ	TP.HCM	21	4	2003	NHÌ
212	Vật lý chuyên	PHẠM ĐỨC	THẮNG	NAM	TP.HCM	25	8	2003	NHÌ
213	Vật lý chuyên	NGUYỄN HIỀN	THI	NỮ	TP.HCM	22	3	2003	NHÌ
214	Vật lý chuyên	PHẠM QUANG	TIẾN	NAM	TP.HCM	28	11	2003	NHÌ
215	Vật lý chuyên	NGUYỄN MỸ HUYỀN	TRẦN	NỮ	TP.HCM	13	12	2003	NHÌ
216	Vật lý chuyên	ĐỖ QUỐC	TRÍ	NAM	TP.HCM	8	6	2003	NHÌ
217	Địa lý	TRẦN DIỄM THẢO	NGHI	NỮ	TP.HCM	6	10	2003	BA
218	Địa lý	TRẦN NGỌC YẾN	NHI	NỮ	TP.HCM	7	2	2003	BA
219	Hóa học	PHAN CÔNG	BẢO	NAM	TP.HCM	21	2	2003	BA
220	Hóa học	ĐÌNH HUỲNH TUYẾT	NHI	NỮ	TP.HCM	15	1	2003	BA
221	Hóa học chuyên	PHẠM HUY	HOÀNG	NAM	TP.HCM	7	9	2003	BA
222	Hóa học chuyên	LÊ NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	NAM	TP.HCM	18	4	2003	BA
223	Hóa học chuyên	HOÀNG VIỆT	LÂN	NAM	TP.HCM	13	5	2003	BA
224	Hóa học chuyên	LÊ NGỌC	MINH	NỮ	TP.HCM	18	7	2003	BA
225	Hóa học chuyên	TRẦN GIA	QUÝ	NAM	TP.HCM	25	11	2003	BA
226	Hóa học chuyên	NGUYỄN THỊ THIÊN	THANH	NỮ	TP.HCM	8	1	2003	BA
227	Ngữ văn	LÂM VŨ GIA	MẶN	NỮ	TP.HCM	20	8	2003	BA
228	Ngữ văn	NGUYỄN ĐĂNG KỲ	PHƯƠNG	NỮ	TP.HCM	13	9	2003	BA

STT	Môn thi	Họ	Tên	Nữ	Nơi sinh	Ngày	tháng	Năm	Giải
229	Ngữ văn	NGUYỄN MINH HƯƠNG	TRÀ	NỮ	TP.HCM	15	3	2003	BA
230	Ngữ văn	NGUYỄN TRẦN HẢI	VĂN	NỮ	TP.HCM	25	1	2003	BA
231	Ngữ văn	LAI HOÀNG KHÁNH	VY	NỮ	TP.HCM	5	10	2003	BA
232	Ngữ văn chuyên	LÊ QUÝ HOÀN	MỸ	NỮ	TP.HCM	6	5	2003	BA
233	Ngữ văn chuyên	ĐẶNG TƯỜNG KIM	NGÂN	NỮ	TP.HCM	7	9	2003	BA
234	Ngữ văn chuyên	PHAN PHƯƠNG	NGHI	NỮ	TP.HCM	1	2	2003	BA
235	Ngữ văn chuyên	TẠ KHÁNH LINH	NHI	NỮ	TP.HCM	22	5	2003	BA
236	Ngữ văn chuyên	NGUYỄN NGỌC HUỲNH	NHƯ	NỮ	TP.HCM	26	6	2003	BA
237	Ngữ văn chuyên	PHẠM ĐIỂM	QUỲNH	NỮ	TP.HCM	26	11	2003	BA
238	Ngữ văn chuyên	NGUYỄN THỊ MINH	THƠ	NỮ	TP.HCM	2	5	2003	BA
239	Ngữ văn chuyên	TẠ NGUYỄN BẢO	TRẦN	NỮ	TP.HCM	8	1	2003	BA
240	Ngữ văn chuyên	NGUYỄN LÊ QUỲNH	TRANG	NỮ	TP.HCM	21	3	2003	BA
241	Ngữ văn chuyên	TRƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG	UYỀN	NỮ	TP.HCM	30	11	2003	BA
242	Ngữ văn chuyên	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	NỮ	Quảng Ngãi	8	4	2003	BA
243	Ngữ văn chuyên	VÕ KHÁI	VY	NỮ	TP.HCM	7	11	2003	BA
244	Ngữ văn chuyên	HUỲNH THANH	DUNG	NỮ	TP.HCM	9	3	2003	BA
245	Ngữ văn chuyên	HUỲNH LÊ THỦY	DƯƠNG	NỮ	TP.HCM	15	1	2003	BA
246	Ngữ văn chuyên	NGUYỄN NGỌC	HÂN	NỮ	TP.HCM	7	3	2003	BA
247	Ngữ văn chuyên	PHẠM HÀ	LINH	NỮ	TP.HCM	25	1	2003	BA
248	Sinh học	BUI NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	NAM	TP.HCM	23	2	2003	BA
249	Sinh học	NGUYỄN THỊ THÚY	QUỲNH	NỮ	TP.HCM	22	7	2003	BA
250	Sinh học chuyên	NGUYỄN NGỌC HỒNG	ANH	NỮ	Thừa Thiên - Huế	18	10	2003	BA
251	Sinh học chuyên	NGUYỄN HÀ TÙNG	CHI	NỮ	TP.HCM	3	1	2003	BA
252	Sinh học chuyên	TÔ QUỲNH	CHI	NỮ	TP.HCM	8	8	2003	BA
253	Sinh học chuyên	NGUYỄN NGỌC XUÂN	ĐÀO	NỮ	TP.HCM	11	3	2003	BA
254	Sinh học chuyên	TRẦN PHẠM MINH	HƯƠNG	NỮ	TP.HCM	12	2	2003	BA
255	Sinh học chuyên	ĐỖ MAI	PHƯƠNG	NỮ	TP.HCM	4	2	2003	BA
256	Sinh học chuyên	LÊ HUỲNH Y	THỦY	NỮ	Thừa Thiên - Huế	11	9	2003	BA
257	Sinh học chuyên	CHU THẾ	TÙNG	NAM	TP.HCM	27	2	2003	BA
258	Sinh học chuyên	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	UYỀN	NỮ	TP.HCM	7	2	2003	BA
259	Sinh học chuyên	HỒ BUI NGỌC	VĂN	NỮ	TP.HCM	6	5	2003	BA
260	Tiếng Anh	NGUYỄN NGỌC	HÂN	NỮ	TP.HCM	24	12	2003	BA
261	Tiếng Anh	TRỊNH THẾ	HÀO	NAM	TP.HCM	21	10	2003	BA
262	Tiếng Anh	NGUYỄN MINH	PHÚC	NAM	TP.HCM	25	10	2003	BA
263	Tiếng Anh chuyên	BUI NGUYỄN MINH	ANH	NỮ	TP.HCM	27	3	2003	BA
264	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN MINH	ANH	NỮ	TP.HCM	18	3	2003	BA
265	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN NGỌC TRÚC	ANH	NỮ	TP.HCM	18	2	2003	BA
266	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN PHI	ANH	NAM	TP.HCM	6	1	2003	BA
267	Tiếng Anh chuyên	TÔN NỮ QUỲNH	ANH	NỮ	TP.HCM	11	2	2003	BA
268	Tiếng Anh chuyên	NGỖ GIA	HÂN	NỮ	TP.HCM	19	12	2003	BA
269	Tiếng Anh chuyên	LÊ THỦY	HIỀN	NỮ	TP.HCM	9	9	2003	BA
270	Tiếng Anh chuyên	ĐỖ THỊ MỸ	HOA	NỮ	TP.HCM	11	4	2003	BA
271	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN TRẦN MAI	HƯƠNG	NỮ	TP.HCM	8	3	2003	BA
272	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN THẢO	LY	NỮ	TP.HCM	17	4	2003	BA
273	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN NGỌC	MAI	NỮ	TP.HCM	21	7	2003	BA
274	Tiếng Anh chuyên	TRẦN SƠN	NAM	NAM	TP.HCM	11	2	2003	BA
275	Tiếng Anh chuyên	CHÂU PHẠM YÊN	NHI	NỮ	TP.HCM	30	3	2003	BA
276	Tiếng Anh chuyên	TRẦN HOÀNG	PHÚC	NAM	TP.HCM	6	11	2003	BA
277	Tiếng Anh chuyên	NGUYỄN LIÊU CHÍ	THIỆN	NAM	TP.HCM	12	10	2003	BA
278	Tiếng Anh chuyên	PHAN HẢI HỒNG	TRÚC	NỮ	TP.HCM	5	9	2003	BA
279	Tiếng Anh chuyên	PHÙNG PHƯỚC	VINH	NAM	TP.HCM	9	3	2003	BA
280	Tiếng Nhật chuyên	TRẦN LÊ VĂN	AN	NỮ	TP.HCM	9	4	2003	BA
281	Tiếng Nhật chuyên	PHAN HOÀNG THU	GIANG	NỮ	TP.HCM	3	11	2003	BA
282	Tiếng Nhật chuyên	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	NỮ	TP.HCM	1	3	2003	BA
283	Tiếng Nhật chuyên	ĐỖ THỊ BẢO	NGỌC	NỮ	TP.HCM	30	11	2003	BA
284	Tiếng Nhật chuyên	DƯƠNG UY	QUÂN	NAM	TP.HCM	29	1	2003	BA
285	Tiếng Pháp	NGUYỄN LÊ KHÁNH	NGUYỄN	NỮ	TP.HCM	19	2	2003	BA

STT	Môn thi	Họ	Tên	Nữ	Nơi sinh	Ngày	tháng	Năm	Giải
286	Tiếng Pháp	NGUYỄN KHẢ AN	NHI	NỮ	TP.HCM	20	12	2003	BA
287	Tiếng Pháp	PHẠM THỊNH	PHÁT	NAM	TP.HCM	8	4	2003	BA
288	Tiếng Pháp	HUỖNH NGỌC NHẢ	TÂM	NỮ	TP.HCM	25	1	2003	BA
289	Tiếng Pháp	VÕ ĐĂNG CÔNG	THÀNH	NAM	TP.HCM	6	11	2003	BA
290	Tiếng Pháp	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	NỮ	TP.HCM	3	12	2003	BA
291	Tiếng Pháp	VÕ LÊ THANH	TRÚC	NỮ	TP.HCM	9	5	2003	BA
292	Tiếng Pháp	HUỖNH THANH	VÂN	NỮ	TP.HCM	8	7	2003	BA
293	Tiếng Trung chuyên	LU KHẢI	LY	NỮ	TP.HCM	31	3	2003	BA
294	Tiếng Trung chuyên	LƯU VĨNH	PHÚ	NAM	TP.HCM	31	7	2003	BA
295	Tin học chuyên	NGUYỄN NHƯ HOÀI	NAM	NAM	TP.HCM	8	12	2003	BA
296	Toán	NGUYỄN HỒNG	HẠNH	NỮ	TP.HCM	19	10	2003	BA
297	Toán	NGUYỄN TRUNG	HUY	NAM	TP.HCM	29	9	2003	BA
298	Toán	TRẦN NHÃN	KHÁNH	NAM	TP.HCM	29	9	2003	BA
299	Toán	VŨ HOÀNG	NGUYỄN	NAM	TP.HCM	21	10	2003	BA
300	Toán chuyên	NGUYỄN VĂN BẢO	AN	NAM	TP.HCM	10	11	2003	BA
301	Toán chuyên	HÀ QUỐC	HÙNG	NAM	Đắk Lắk	1	1	2003	BA
302	Toán chuyên	VŨ NHƯ	KHANG	NAM	TP.HCM	24	4	2003	BA
303	Toán chuyên	LÊ MINH	KHÔI	NAM	Hải Phòng	13	8	2003	BA
304	Toán chuyên	TRẦN MINH	KHÔI	NAM	TP.HCM	26	3	2003	BA
305	Toán chuyên	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	NGA	NỮ	TP.HCM	10	10	2003	BA
306	Toán chuyên	HÀ HỮU	PHÚC	NAM	TP.HCM	22	6	2003	BA
307	Toán chuyên	NGUYỄN PHAN THANH	PHƯƠNG	NỮ	TP.HCM	31	1	2003	BA
308	Toán chuyên	LÊ NGUYỄN MINH	QUANG	NAM	TP.HCM	8	11	2003	BA
309	Toán chuyên	VŨ HOÀNG	THẮNG	NAM	TP.HCM	21	10	2003	BA
310	Toán chuyên	NGUYỄN QUANG	THIỆN	NAM	TP.HCM	15	6	2003	BA
311	Toán chuyên	TRẦN THUY BẢO	TRẦN	NỮ	TP.HCM	16	12	2003	BA
312	Toán chuyên	NGUYỄN PHẠM MINH	TRÍ	NAM	TP.HCM	13	12	2003	BA
313	Toán chuyên	LÊ NGỌC KHẢ	VY	NỮ	TP.HCM	22	3	2003	BA
314	Toán chuyên	TRẦN QUỐC	BẢO	NAM	TP.HCM	8	11	2003	BA
315	Vật lý chuyên	HUỖNH GIA	AN	NỮ	TP.HCM	3	10	2003	BA
316	Vật lý chuyên	NGUYỄN KHÁNH	AN	NỮ	TP.HCM	3	12	2003	BA
317	Vật lý chuyên	DƯƠNG DANH GIA	BẢO	NAM	TP.HCM	18	11	2003	BA
318	Vật lý chuyên	PHẠM HOÀNG	ĐĂNG	NAM	TP.HCM	24	11	2003	BA
319	Vật lý chuyên	NGUYỄN HÀ TUẤN	KHOA	NAM	TP.HCM	13	2	2003	BA
320	Vật lý chuyên	HỒNG MINH	KỶ	NAM	TP.HCM	23	8	2003	BA
321	Vật lý chuyên	PHẠM HOÀNG	LÂM	NAM	TP.HCM	22	5	2003	BA
322	Vật lý chuyên	CHUNG NGỌC	PHÚC	NAM	TP.HCM	16	11	2003	BA
323	Vật lý chuyên	DƯƠNG NGUYỄN MỸ	PHƯƠNG	NỮ	TP.HCM	23	10	2003	BA
324	Vật lý chuyên	TRẦN VĂN	SỸ	NAM	TP.HCM	23	1	2003	BA
325	Vật lý chuyên	TRẦN QUỐC	VIỆT	NAM	Hà Nam	23	8	2003	BA
326	Vật lý chuyên	ĐẶNG TRẦN	VINH	NAM	Bình Định	30	12	2003	BA